Báo cáo kiểm thử

# Giới thiệu

Có hai phần chính của Quy trình quản lý như sau:

Lập kế hoạch

* Phân tích rủi ro
* Uớc tính thời gian Test
* Lập kế hoạch
* Tổ chức xây dựng quy trình Test

## Thực thi

* Điều khiển và giám sát việc Test
* Quản lý vấn đề
* Đánh giá và báo cáo kết quả Test

## Phạm vi

Hệ thống được xây dựng trên máy chủ thư viện Đại học Thủy Lợi cho phép thủ thư viện và sinh viên truy cập từ xa

Người sử dụng phần mềm :

+ Nhân viên thư viện ( Thủ thư)

+ Sinh viên ( Bạn đọc)Mục đích của dự án : Phát triển nâng cấp hệ thống để mục đích theo dõi , quản lý thư viện và cung cấp cho sinh viên hệ thống mượn sách tốt nhất , có nhiều tính năng linh hoạt như :

*Về phía sinh viên ( bạn đọc )*

+ Có thể tìm kiếm sách theo thể loại , tác giả , …

+ Đặt mượn sách

+ Theo dõi ngày mượn , ngày trả của bản thân

*Về phía thủ thư :*

+ Quản lý vị trí sách , tình trạng sách , nhập xuất,…

+ Quản lý bạn đọc theo thời gian mượn , số lượng mượn ..

+ Quản lý các tính năng của phần mềm hoạt động một cách hiệu quả và chính xác

Yêu cầu từ phía người dùng:  
+ Hệ thống đăng nhập an toàn và bảo mật.  
+ Có tính hiệu quả cao.  
+ Dễ dàng theo dõi ngày tháng mượn trả sách.  
+ Chức năng tìm kiếm đa dạng dễ dàng.

Giao diện hệ thống:

+ Đơn giản dễ nhìn

+ Dễ dàng nâng cấp và bảo trì

## Mục tiêu chất lượng

* Đảm bảo thư viện đang được Kiểm tra phù hợp với các yêu cầu chức năng và phi chức năng
* Đảm bảo AUT đáp ứng các thông số kỹ thuật chất lượng do khách hàng xác định
* Các lỗi / sự cố được xác định và khắc phục trước khi hoạt động

## Vai trò và trách nhiệm

Chi tiết sự miêu tả của các Vai trò và trách nhiệm khác nhau trong đội ngũ các thành viên như sau:

* Nhà phân tích QA: người chịu trách nhiệm đảm bảo chất lượng phát triển phần mềm quản lý thư viện đại học Thủy Lợi thông qua việc đưa ra quy trình làm việc giữa các bên liên quan.
* Người quản lý thử nghiệm: người chịu trách nghiệm thử nghiệm mô hình
* Người quản lý cấu hình: quản lý các thay đổi về phần cứng, phần mềm, tài liệu kỹ thuật, phương tiện kiểm tra, giao diện kết nối, qui trình kỹ thuật hoạt động, cấu hình cài đặt và tất cả các thay đổi khác của hệ thống xuyên suốt quá trình từ khi cài đặt đến vận hành
* Nhà phát triển: phát triển các chức năng của phầm mềm
* Đội cài đặt: cài đặt phầm mềm

Mục tiêu kiểm thử

* Tìm các bug phát sinh do dev tạo ra khi code.
* Đạt được sự tự tin và cung cấp thông tin về mức độ chất lượng.
* Để ngăn ngừa lỗi.
* Đảm bảo rằng kết quả cuối cùng đáp ứng các yêu cầu kinh doanh và người sử dụng.
* Để đạt được sự tín nhiệm của khách hàng bằng cách cung cấp cho họ một sản phẩm chất lượng.

**Phương diện kiểm thử**

Kiểm thử theo chức năng của hệ thống

**Phương pháp kiểm thử:**

Kiểm thử hộp đen

**Sử dụng phần mềm kiểm thử:**

ranorex

**Xây dựng TestCase**

# Phương pháp kiểm tra

## Tổng quat

Đề cập đến lý do của việc áp dụng một phương pháp kiểm tra cụ thể cho dự án. Phương pháp kiểm tra được chọn cho dự án có thể là

* WaterFall
* Lặp đi lặp lại
* Nhanh nhẹn
* Lập trình cực đoan

Phương pháp được lựa chọn phụ thuộc vào nhiều yếu tố. Bạn có thể đọc về Phương pháp kiểm tra [tại đây](http://www.guru99.com/testing-methodology.html)

## Mức độ kiểm tra

**Mức độ Kiểm tra xác định các Loại Kiểm tra sẽ được thực hiện trên Ứng dụng Đang Kiểm tra (AUT** ). Các Mức độ Kiểm tra chủ yếu phụ thuộc vào phạm vi của dự án, các ràng buộc về thời gian và ngân sách.

## Bug Triage

Mục tiêu của bộ ba là

* Để xác định loại giải pháp cho từng lỗi
* Để ưu tiên các lỗi và xác định lịch trình cho tất cả các “Lỗi được sửa”.

## Tiêu chí tạm ngừng và yêu cầu tiếp tục

Huyền phù tiêu chuẩn định nghĩa các tiêu chuẩn đến là đã sử dụng đến đình chỉ tất cả các hoặc phần của các thử nghiệm thủ tục trong khi Tiếp tục tiêu chuẩn quyết tâm khi nào thử nghiệm có thể bản tóm tắt sau nó có đã cấm

## Kiểm tra tính hoàn chỉnh

Tại đây, bạn xác định các tiêu chí sẽ được coi là quá trình thử nghiệm của bạn đã hoàn thành.

Ví dụ: một số tiêu chí để kiểm tra Tính hoàn chỉnh của Thử nghiệm sẽ là

* 100% phạm vi kiểm tra
* Tất cả các trường hợp kiểm tra thủ công & tự động được thực thi
* Tất cả các lỗi mở đã được sửa hoặc sẽ được sửa trong bản phát hành tiếp theo

# Thử nghiệm giao hàng

Ở đây đề cập đến tất cả các Phần mềm thử nghiệm sẽ được phân phối trong các giai đoạn khác nhau của vòng đời thử nghiệm.

Đây là các sản phẩm mẫu

|  |
| --- |
| * Kế hoạch kiểm tra * Các trường hợp kiểm tra * Ma trận xác định nguồn gốc yêu cầu * Báo cáo lỗi * Chiến lược thử nghiệm * Số liệu kiểm tra * Khách hàng Đăng ký Tắt |

# Nhu cầu Tài nguyên & Môi trường

## Công cụ kiểm tra

Lập danh sách của Công cụ như

* Yêu cầu Theo dõi Dụng cụ
* Sâu bọ Theo dõi Dụng cụ
* Tự động hóa Công cụ

Cần thiết đến kiểm tra các dự định

## Môi trường thử nghiệm

Nó đề cập đến các yêu cầu **phần cứng tối thiểu** sẽ được sử dụng để kiểm tra Ứng dụng.

Tiếp theo **phần mềm của** là cần thiết Ngoài ra đến dành riêng cho khách hàng phần mềm .

1. Windows 8 và bên trên
2. Office 2013 và bên trên
3. MS Exchange, vân vân .

# Điều khoản / Từ viết tắt

Đề cập đến bất kỳ thuật ngữ hoặc từ viết tắt nào được sử dụng trong dự án

| TERM / ACRONYM | ĐỊNH NGHĨA |
| --- | --- |
| API | Giao diện chương trình ứng dụng |
| AUT | Ứng dụng đang được kiểm tra |

# Lịch sử sửa đổi

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Số bản sửa đổi** | **Ngày phát hành** | **Tác giả** | **Sự miêu tả** |
| 1 | 02.06.2014 | <Tên người kiểm tra> | Thử nghiệm chức năng |
| 2 | 03.06.2014 | <Tên người kiểm tra> | Kiểm tra khả năng sử dụng |
| 3 | 05.06.2014 | <Tên người kiểm tra> | Các trường hợp kiểm tra tiêu cực |

# NỘI DUNG

[Các trường hợp kiểm thử chức năng](#_Toc390701539)  [2](#_Toc390701539)

[Các trường hợp kiểm tra giao diện người dùng](#_Toc390701540)  [8](#_Toc390701540)

[Các trường hợp kiểm tra khả năng sử dụng](#_Toc390701541)  [10](#_Toc390701541)

# Các trường hợp kiểm tra chức năng

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **№** | **Các bước** | **Kết quả mong đợi** | **Kết quả kiểm tra** | **Bình luận** |
|  | **Mở thành phần** |  |  |  |
|  | Các bước trước:   1. Mở ra ý chính |  |  |  |
|  | Các bước:   1. Nhấp vào Tab Thị trường trên Bảng Thành phần; 2. Nhấp vào Thị trường. | Thành phần thị trường đã được mở trên không gian làm việc | Đi qua |  |
|  | Các bước:   1. Nhấp vào nút Tách thành phần trên Thị trường trong Thanh bên. | Thành phần thị trường đã được mở trên không gian làm việc với dữ liệu | Đi qua |  |
|  | Các bước:   1. Nhấp vào Menu chính; 2. Chọn menu con Thành phần; 3. Chọn Thị trường. | Thành phần thị trường đã được mở trên không gian làm việc | Đi qua |  |
|  | Các bước:   1. Nhấp vào Menu chính; 2. Chọn menu con Cài đặt; 3. Nhấp vào Bảng điều khiển; 4. Kiểm tra Thị trường trong bảng điều khiển Thanh bên; 5. Nhấp vào Áp dụng. | Thành phần thị trường đã được mở trên không gian làm việc | Đi qua |  |
|  | **Đóng thành phần** |  |  |  |
|  | Các bước:   1. Nhấp vào “X”. | Thành phần thị trường đã bị đóng cửa | Đi qua |  |
|  | **Hiển thị trao đổi đã chọn** |  |  |  |
|  | Các bước trước:   1. Thị trường mở |  |  |  |
|  | Các bước:   1. Nhấp vào bảng Exchange ; 2. Chọn DFM. | Bảng Thị trường hiển thị thông tin về sàn giao dịch đã chọn | Đi qua |  |
|  | Các bước:   1. Nhấp vào bảng Exchange ; 2. Chọn SAU | Bảng Thị trường hiển thị thông tin về sàn giao dịch đã chọn | Đi qua |  |
|  | Các bước:   1. Nhấp vào bảng Exchange ; 2. Chọn AMM | Bảng Thị trường hiển thị thông tin về sàn giao dịch đã chọn | Đi qua |  |
|  | Các bước:   1. Nhấp vào bảng Exchange ; 2. Chọn KUW | Bảng Thị trường hiển thị thông tin về sàn giao dịch đã chọn | Đi qua |  |
|  | Các bước:   1. Nhấp vào bảng Exchange ; 2. Chọn ADX | Bảng Thị trường hiển thị thông tin về sàn giao dịch đã chọn | Đi qua |  |
|  | Các bước:   1. Nhấp vào bảng Exchange ; 2. Chọn DSM | Bảng Thị trường hiển thị thông tin về sàn giao dịch đã chọn | Đi qua |  |
|  | **Bàn** |  |  |  |
|  | **Hiển thị các cột**  Các bước:   1. Nhấp vào bảng Exchange ; 2. Chọn DFM; 3. Kiểm tra các cột | Bảng bao gồm cột Chỉ mục, Mô tả, Giá trị, Mở, Cao, Thấp, Đóng, Thay đổi,% Thay đổi, Khối lượng, Doanh thu | Đi qua |  |
|  | **Hiển thị tất cả các cột**  Các bước:   1. Nhấp vào bảng Exchange ; 2. Chọn DFM; 3. Bấm chuột phải vào tiêu đề cột; 4. Chọn Hiển thị tất cả các cột. | Bảng bao gồm cột Chỉ mục, Mô tả, Giá trị, Mở, Cao, Thấp, Đóng, Trước đó. Đóng, Thay đổi,% Thay đổi, Khối lượng, Doanh thu | Đi qua |  |
|  | **Ẩn cột**  Các bước:   1. Nhấp vào bảng Exchange ; 2. Chọn DFM; 3. Bấm chuột phải vào tiêu đề cột; 4. Chọn Ẩn cột. | Cột đã chọn đã bị ẩn | Đi qua |  |
|  | **Mở trình chọn cột**  Các bước:   1. Nhấp vào bảng Exchange ; 2. Chọn DFM; 3. Bấm chuột phải vào tiêu đề cột; 4. Chọn Chọn cột. | Trình chọn cột đã được mở | Đi qua |  |
|  | **Mở biểu đồ**  Các bước:   1. Nhấp vào bảng Exchange ; 2. Chọn DFM; 3. Bấm chuột phải vào hàng đã chọn; | Nút Mở Biểu đồ xuất hiện | Đi qua |  |
|  | Các bước:   1. Nhấp vào bảng Exchange ; 2. Chọn DFM; 3. Bấm chuột phải vào hàng đã chọn; 4. Bấm vào nút Mở biểu đồ. | Biểu đồ có biểu tượng đã chọn đã được mở | Đi qua |  |
|  | **Sắp xếp theo chỉ mục**  Các bước:   1. Nhấp vào bảng Exchange ; 2. Chọn DFM; 3. Nhấp vào Tiêu đề chỉ mục | Một dòng lên - Tên của chỉ mục được sắp xếp theo bảng chữ cái từ a đến z | Đi qua |  |
|  | Các bước:   1. Nhấp vào bảng Exchange ; 2. Chọn DFM; 3. Nhấp vào Tiêu đề chỉ mục | Dấu gạch xuống - Tên của chỉ mục được sắp xếp theo bảng chữ cái từ z đến a | Đi qua |  |
|  | **Sắp xếp theo mô tả**  Các bước:   1. Nhấp vào bảng Exchange ; 2. Chọn DFM; 3. Nhấp vào tiêu đề Mô tả | Mũi tên lên - các mô tả của chỉ mục được sắp xếp theo bảng chữ cái từ a đến z | Đi qua |  |
|  | Các bước:   1. Nhấp vào bảng Exchange ; 2. Chọn DFM; 3. Nhấp vào tiêu đề Mô tả | Mũi tên xuống - các mô tả của chỉ mục được sắp xếp theo bảng chữ cái từ z đến a | Đi qua |  |
|  | **Sắp xếp theo giá trị**  Các bước:   1. Nhấp vào bảng Exchange ; 2. Chọn DFM; 3. Nhấp vào tiêu đề Giá trị | Một dòng lên - các giá trị của chỉ mục đang sắp xếp từ giá trị thấp nhất đến giá trị cao nhất | Đi qua |  |
|  | Các bước:   1. Nhấp vào bảng Exchange ; 2. Chọn DFM; 3. Nhấp vào tiêu đề Giá trị | Mũi tên xuống - các giá trị của chỉ mục đang sắp xếp từ giá trị cao nhất đến giá trị thấp nhất | Đi qua |  |
|  | **Sắp xếp theo Mở**  Các bước:   1. Nhấp vào bảng Exchange ; 2. Chọn DFM; 3. Nhấp vào Mở tiêu đề | Một dòng lên - các giá trị của chỉ mục đang sắp xếp từ giá trị thấp nhất đến giá trị cao nhất | Đi qua |  |
|  | Các bước:   1. Nhấp vào bảng Exchange ; 2. Chọn DFM; 3. Nhấp vào Mở tiêu đề | Mũi tên xuống - các giá trị của chỉ mục đang sắp xếp từ giá trị cao nhất đến giá trị thấp nhất | Đi qua |  |
|  | **Sắp xếp theo Cao**  Các bước:   1. Nhấp vào bảng Exchange ; 2. Chọn DFM; 3. Nhấp vào Tiêu đề cao | Một dòng lên - các giá trị của chỉ mục đang sắp xếp từ giá trị thấp nhất đến giá trị cao nhất | Đi qua |  |
|  | Các bước:   1. Nhấp vào bảng Exchange ; 2. Chọn DFM; 3. Nhấp vào Tiêu đề cao | Mũi tên xuống - các giá trị của chỉ mục đang sắp xếp từ giá trị cao nhất đến giá trị thấp nhất | Đi qua |  |
|  | **Sắp xếp theo Thấp**  Các bước:   1. Nhấp vào bảng Exchange ; 2. Chọn DFM; 3. Nhấp vào Tiêu đề thấp | Một dòng lên - các giá trị của chỉ mục đang sắp xếp từ giá trị thấp nhất đến giá trị cao nhất | Đi qua |  |
|  | Các bước:   1. Nhấp vào bảng Exchange ; 2. Chọn DFM; 3. Nhấp vào Tiêu đề thấp | Mũi tên xuống - các giá trị của chỉ mục đang sắp xếp từ giá trị cao nhất đến giá trị thấp nhất | Đi qua |  |
|  | **Sắp xếp theo Đóng**  Các bước:   1. Nhấp vào bảng Exchange ; 2. Chọn DFM; 3. Nhấp vào Đóng tiêu đề | Một dòng lên - các giá trị của chỉ mục đang sắp xếp từ giá trị thấp nhất đến giá trị cao nhất | Đi qua |  |
|  | Các bước:   1. Nhấp vào bảng Exchange ; 2. Chọn DFM; 3. Nhấp vào Đóng tiêu đề | Mũi tên xuống - các giá trị của chỉ mục đang sắp xếp từ giá trị cao nhất đến giá trị thấp nhất | Đi qua |  |
|  | **Sắp xếp theo Trước Đóng**  Các bước:   1. Nhấp vào bảng Exchange ; 2. Chọn DFM; 3. Nhấp vào Trước đó. Đóng tiêu đề | Một dòng lên - các giá trị của chỉ mục đang sắp xếp từ giá trị thấp nhất đến giá trị cao nhất | Đi qua |  |
|  | Các bước:   1. Nhấp vào bảng Exchange ; 2. Chọn DFM; 3. Nhấp vào Trước đó. Đóng tiêu đề | Mũi tên xuống - các giá trị của chỉ mục đang sắp xếp từ giá trị cao nhất đến giá trị thấp nhất | Đi qua |  |
|  | **Sắp xếp theo Thay đổi**  Các bước:   1. Nhấp vào bảng Exchange ; 2. Chọn DFM; 3. Nhấp vào Thay đổi tiêu đề | Một dòng lên - các giá trị của chỉ mục đang sắp xếp từ giá trị thấp nhất đến giá trị cao nhất | Đi qua |  |
|  | Các bước:   1. Nhấp vào bảng Exchange ; 2. Chọn DFM; 3. Nhấp vào Thay đổi tiêu đề | Mũi tên xuống - các giá trị của chỉ mục đang sắp xếp từ giá trị cao nhất đến giá trị thấp nhất | Đi qua |  |
|  | **Sắp xếp theo% thay đổi**  Các bước:   1. Nhấp vào bảng Exchange ; 2. Chọn DFM; 3. Nhấp vào% Thay đổi tiêu đề | Một dòng lên - các giá trị của chỉ mục đang sắp xếp từ giá trị thấp nhất đến giá trị cao nhất | Đi qua |  |
|  | Các bước:   1. Nhấp vào bảng Exchange ; 2. Chọn DFM; 3. Nhấp vào% Thay đổi tiêu đề | Mũi tên xuống - các giá trị của chỉ mục đang sắp xếp từ giá trị cao nhất đến giá trị thấp nhất | Đi qua |  |
|  | **Sắp xếp theo khối lượng**  Các bước:   1. Nhấp vào bảng Exchange ; 2. Chọn DFM; 3. Nhấp vào tiêu đề Âm lượng | Một dòng lên - các giá trị của chỉ mục đang sắp xếp từ giá trị thấp nhất đến giá trị cao nhất | Đi qua |  |
|  | Các bước:   1. Nhấp vào bảng Exchange ; 2. Chọn DFM; 3. Nhấp vào tiêu đề Âm lượng | Mũi tên xuống - các giá trị của chỉ mục đang sắp xếp từ giá trị cao nhất đến giá trị thấp nhất | Đi qua |  |
|  | **Sắp xếp theo doanh thu**  Các bước:   1. Nhấp vào bảng Exchange ; 2. Chọn DFM; 3. Nhấp vào tiêu đề Doanh thu | Một dòng lên - các giá trị của chỉ mục đang sắp xếp từ giá trị thấp nhất đến giá trị cao nhất | Đi qua |  |
|  | Các bước:   1. Nhấp vào bảng Exchange ; 2. Chọn DFM; 3. Nhấp vào tiêu đề Doanh thu | Mũi tên xuống - các giá trị của chỉ mục đang sắp xếp từ giá trị cao nhất đến giá trị thấp nhất | Đi qua |  |
|  | **Kiểm tra âm tính** |  |  |  |
|  | Các bước trước:   1. Thị trường mở |  |  |  |
|  | **Không có kết nối Internet**  Các bước:   1. Nhấp vào bảng Exchange ; 2. Chọn DFM; 3. Kiểm tra kết quả | Tin nhắn có nội dung “DFN bị ngắt kết nối. Kết nối nó?" với các nút “có” và “không” xuất hiện | Đi qua |  |
|  | Các bước:   1. Nhấp vào bảng Exchange ; 2. Chọn DFM; 3. Nhấp vào “có” trong thông báo xuất hiện 4. Kiểm tra kết quả | Table of Market trống | Đi qua |  |
|  | Các bước:   1. Nhấp vào bảng Exchange ; 2. Chọn DFM; 3. Nhấp vào “không” trong thông báo xuất hiện 4. Kiểm tra kết quả | Table of Market trống | Đi qua |  |
|  | Các bước:   1. Nhấp vào bảng Exchange ; 2. Chọn DFM; 3. Đóng xuất hiện thông báo 4. Kiểm tra kết quả | Table of Market trống | Đi qua |  |
|  | **Nhà cung cấp bị ngắt kết nối**  Các bước:   1. Ngắt kết nối nhà cung cấp; 2. Nhấp vào bảng Exchange ; 3. Chọn DFM; 4. Kiểm tra kết quả | Tin nhắn có nội dung “DFN bị ngắt kết nối. Kết nối nó?" với các nút “có” và “không” xuất hiện | Đi qua |  |
|  | Các bước:   1. Ngắt kết nối nhà cung cấp; 2. Nhấp vào bảng Exchange ; 3. Chọn DFM; 4. Nhấp vào “có” trong thông báo xuất hiện 5. Kiểm tra kết quả | Table of Market trống | Đi qua |  |
|  | Các bước:   1. Ngắt kết nối nhà cung cấp; 2. Nhấp vào bảng Exchange ; 3. Chọn DFM; 4. Nhấp vào “không” trong thông báo xuất hiện 5. Kiểm tra kết quả | Table of Market trống | Đi qua |  |
|  | Các bước:   1. Ngắt kết nối nhà cung cấp; 2. Nhấp vào bảng Exchange ; 3. Chọn DFM; 4. Đóng xuất hiện thông báo 5. Kiểm tra kết quả | Table of Market trống | Đi qua |  |
|  | **Trao đổi đã chọn không hoạt động**  Các bước:   1. Nhấp vào bảng Exchange ; 2. Chọn DFM; 3. Kiểm tra kết quả | Bảng Thị trường hiển thị các giá trị cuối cùng | Đi qua |  |

# Các trường hợp kiểm tra giao diện người dùng

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **№** | **Các bước** | **Kết quả mong đợi** | **Kết quả kiểm tra** | **Bình luận** |
|  | **Biểu tượng của thành phần** |  |  |  |
|  | Các bước trước:   1. Mở ra ý chính |  |  |  |
|  | Các bước:   1. Nhấp vào Tab Thị trường trên Bảng Thành phần; | Thành phần thị trường có biểu tượng COMPONENT_MARKET_INDICES(tệp PNG 16 x 16 pixel). | Đi qua |  |
|  | Các bước:   1. Nhấp vào Menu chính; 2. Chọn menu con Thành phần; | Thành phần thị trường có biểu tượng COMPONENT_MARKET_INDICES(tệp PNG 16 x 16 pixel). | Đi qua |  |
|  | **Kích thước của thành phần** |  |  |  |
|  | Các bước trước:   1. Mở ra ý chính 2. Thị trường mở |  |  |  |
|  | Các bước:   1. Kiểm tra kích thước mặc định. | Kích thước mặc định: 900 x 400 pixel | Đi qua |  |
|  | Các bước:   1. Thu nhỏ thành phần 2. Kiểm tra kích thước tối thiểu | Kích thước tối thiểu: 300 x 180 pixel | Thất bại | [Chính -1727](http://185.2.100.192:81/issue/Strader-1727) |
|  | Các bước:   1. Tối đa hóa thành phần 2. Kiểm tra kích thước tối đa | Kích thước tối đa bằng kích thước của màn hình | Đi qua |  |
|  | **Tổng quan về phong cách** |  |  |  |
|  | **Đặc điểm màu xám** |  |  |  |
| 3.1.1 | Các bước:   1. Kiểm tra bảng tiêu đề; | Bảng tiêu đề màu đen với văn bản màu xanh lam và nút “X” | Đi qua |  |
| 3.1.2 | Các bước:   1. Kiểm tra Tiêu đề của cột ; | Tiêu đề của cột có màu xám với văn bản màu trắng | Đi qua |  |
| 3.1.3 | Các bước:   1. Bảng kiểm tra ; | Bảng màu đen với chữ trắng | Đi qua |  |
| 3.1.4 | Các bước:   1. Kiểm tra Thay đổi Cột và% Thay đổi; | Các cột Thay đổi và% Thay đổi có dữ liệu với các màu như: giá trị> 0 - xanh lục, giá trị <0 - đỏ, giá trị = 0 - xanh lam | Đi qua |  |
| 3.1.5 | Các bước:   1. Kiểm tra mục đã chọn; | Mục đã chọn được đánh dấu bằng màu xanh lam | Đi qua |  |
|  | **Đặc điểm màu xanh lam** |  |  |  |
| 3.2.1 | Các bước:   1. Kiểm tra bảng tiêu đề; | Bảng tiêu đề màu xanh lam với văn bản màu đen và nút “X”; | Đi qua |  |
| 3.2.2 | Các bước:   1. Kiểm tra Tiêu đề của cột ; | Tiêu đề của cột có màu xanh lam với văn bản màu xanh lam đậm | Đi qua |  |
| 3.2.3 | Các bước:   1. Bảng kiểm tra ; | Bảng màu trắng với văn bản màu đen | Đi qua |  |
| 3.2.4 | Các bước:   1. Kiểm tra Thay đổi Cột và% Thay đổi; | Các cột Thay đổi và% Thay đổi có dữ liệu với các màu như: giá trị> 0 - xanh lục, giá trị <0 - đỏ, giá trị = 0 - xanh lam | Đi qua |  |
| 3.2.5 | Các bước:   1. Kiểm tra mục đã chọn; | Mục đã chọn được đánh dấu bằng màu vàng | Đi qua |  |
|  | **Tổng quan về bản địa hóa** |  |  |  |
|  | **Tính năng bản địa hóa tiếng Anh** |  |  |  |
| 4.1.1 | Các bước:   1. Kiểm tra bảng tiêu đề; | Văn bản trong bảng Tiêu đề nằm ở phía bên trái (<tên thành phần>: Tên trao đổi đã chọn) | Đi qua |  |
| 4.1.2 | Các bước:   1. Kiểm tra nút Đóng; | Nút “X” ở bên phải | Đi qua |  |
| 4.1.3 | Các bước:   1. Kiểm tra Chọn bản địa hóa bảng Exchange ; | Bảng chọn Exchange nằm ở phía bên trái | Đi qua |  |
| 4.1.4 | Các bước:   1. Kiểm tra Tiêu đề của các cột; | Tên của các cột bằng tiếng Anh và được căn chỉnh ở phía bên trái | Đi qua |  |
| 4.1.5 | Các bước:   1. Kiểm tra văn bản trong các cột Chỉ mục và Mô tả; | Tên trao đổi và mô tả được căn chỉnh ở phía bên trái | Đi qua |  |
| 4.1.6 | Các bước:   1. Kiểm tra văn bản trong các cột khác; | Văn bản trong các cột khác được căn chỉnh ở phía bên phải | Đi qua |  |
|  | **Tính năng bản địa hóa tiếng Ả Rập** |  |  |  |
| 4.2.1 | Các bước:   1. Kiểm tra bảng tiêu đề; | Văn bản trong bảng Tiêu đề nằm ở phía bên phải (Tên trao đổi đã chọn: <tên thành phần>) | Thất bại | [Chính -1728](http://185.2.100.192:81/issue/Strader-1728) |
| 4.2.2 | Các bước:   1. Kiểm tra nút Đóng; | Nút “X” ở bên trái | Đi qua |  |
| 4.2.3 | Các bước:   1. Kiểm tra Chọn bản địa hóa bảng Exchange ; | Bảng chọn Exchange nằm ở phía bên phải | Đi qua |  |
| 4.2.4 | Các bước:   1. Kiểm tra Tiêu đề của các cột; | Tên các cột bằng tiếng Ả Rập và được căn chỉnh ở phía bên phải | Thất bại | [Chính -1728](http://185.2.100.192:81/issue/Strader-1728) |
| 4.2.5 | Các bước:   1. Kiểm tra văn bản trong các cột Chỉ mục và Mô tả; | Tên trao đổi và mô tả được căn chỉnh ở phía bên trái | Đi qua |  |
| 4.2.6 | Các bước:   1. Kiểm tra văn bản trong các cột khác; | Văn bản trong các cột khác được căn chỉnh ở phía bên phải | Đi qua |  |

# Các trường hợp kiểm tra khả năng sử dụng

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **№** | **Các bước** | **Kết quả mong đợi** | **Kết quả kiểm tra** | **Bình luận** |
|  | **Mẹo công cụ** |  |  |  |
|  | Các bước trước:   1. Mở ra ý chính |  |  |  |
|  | Các bước:   1. Nhấp vào Tab Thị trường trên Bảng Thành phần; 2. Di chuyển chuột vào nút Market. | Mẹo công cụ với văn bản “ Thị trường” xuất hiện. | Đi qua |  |
|  | Các bước:   1. Nhấp vào Menu chính; 2. Chọn menu con Thành phần; 3. Di chuyển chuột vào nút Market. | Mẹo công cụ với văn bản “ Thị trường” xuất hiện. | Đi qua |  |
|  | **Làm việc với bàn phím** |  |  |  |
|  | Các bước trước:   1. Mở ra ý chính 2. Thị trường mở |  |  |  |
|  | Các bước:   1. Chọn Exchange; 2. Nhấp vào bất kỳ biểu tượng nào; 3. Nhấn Tab. | Hàng tiếp theo (Dưới cùng) được đánh dấu. | Thất bại | [Chính -1729](http://185.2.100.192:81/issue/Strader-1729) |
|  | Các bước:   1. Nhấp vào Bảng điều khiển Exchange; 2. Di chuyển chuột trên bất kỳ cuộc trao đổi nào; 3. Nhấn nút Enter. | Bảng hiển thị tất cả các ký hiệu của sàn giao dịch đã chọn. | Đi qua |  |
|  | Các bước:   1. Chọn Exchange; 2. Bấm chuột phải vào bất kỳ tiêu đề cột nào; 3. Di chuyển chuột vào Ẩn cột; 4. Nhấn nút Enter. | Cột đã chọn bị ẩn. | Đi qua |  |
|  | Các bước:   1. Chọn Exchange; 2. Bấm chuột phải vào bất kỳ tiêu đề cột nào; 3. Di chuyển chuột vào Hiển thị tất cả các cột; 4. Nhấn nút Enter. | Tất cả các cột đều có mặt. | Đi qua |  |
|  | Các bước:   1. Chọn Exchange; 2. Bấm chuột phải vào bất kỳ tiêu đề cột nào; 3. Di chuyển chuột vào cột Chọn; 4. Nhấn nút Enter. | Trình chọn cột đã được mở. | Đi qua |  |